

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 133/2020/DS-ST
Ngày: 16 – 9 – 2020
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lư Trường Tây

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Thanh Sơn

Bà Nguyễn Thị Tua

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phương Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Huệ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2020/TLST - DS ngày 11 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2020/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 103/2020/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại – Dịch vụ K.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn C, sinh năm 1962 – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 16, G, khu vực 1, Phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

Bị đơn: Ông Đặng Văn B, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Ấp 01, xã T, huyện H, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

3. Người làm chứng:

- Ông Mai Văn T, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Ấp Q, xã N, huyện Giồng R, tỉnh Kiên Giang (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Ông Phan Văn B, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Q, xã N, huyện Giồng R, tỉnh Kiên Giang (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Ấp Q, xã N, huyện Giồng R, tỉnh Kiên Giang (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Ấp 7A2, xã T, huyện H, tỉnh Hậu Giang (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Ông Đặng Văn T1, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Ấp 01, xã T, huyện H, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- Ông Võ Bạch Đ, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Ấp 05, xã V, huyện H, tỉnh Hậu Giang (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Ấp 08, xã Đ, huyện H, tỉnh Hậu Giang (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Ông Lê Minh Đ.

Địa chỉ: Ấp 12, thị trấn V, huyện M, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại – Dịch vụ K (gọi tắt là Công ty K) trình bày:

Ngày 04/5/2019, Công ty K có bán cho ông Đặng Văn B phân thuốc Bảo vệ thực vật với số tiền 24.410.000 đồng. Khi mua phía ông B có ký vào hóa đơn mua hàng của Công ty để xác nhận số lượng phân bón và tổng số tiền nợ cho Công ty.

Hóa đơn bán hàng có tính luôn số phân bón mà ông Đặng Văn B đã nợ

trước và số phân bón ông B mua vào ngày 04/5/2019. Tổng số tiền ông Đặng Văn B phải trả là 28.396.000 đồng và phía ông B đã trả cho Công ty K số tiền 3.986.000 đồng còn nợ lại Công ty K số tiền 24.410.000 đồng.

Ngày 23/11/2019, phía Công ty K có gửi thông báo nợ qua đường bưu điện cho ông B và ông đã nhận đầy đủ nhưng phía ông B vẫn không thanh toán.

Nay Công ty K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đặng Văn B trả cho Công ty K số tiền 24.410.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 30/5/2019 cho đến khi kết thúc vụ án.

Bị đơn ông Đặng Văn B trình bày: Ông thừa nhận hóa đơn bán hàng phía Công ty K cung cấp cho Tòa án là ông có ký tên xác nhận và số tiền còn nợ lại là 24.410.000 đồng. Tuy nhiên, ông không đồng ý trả số tiền này với lý do là: Vào cuối tháng 9/2018 (âm lịch) thì phía Công ty K có hợp đồng bao tiêu lúa của ông và những hộ dân trong ấp 01, xã T, huyện H. Hai bên chỉ mới nói miệng chứ chưa làm hợp đồng bằng văn bản và có thỏa thuận là phía Công ty K hỗ trợ giống cho ông và các hộ dân gieo và một khoản tiền cho đủ 500.000đ/công theo như thỏa thuận ban đầu của Công ty với ông và các hộ dân. Sau đó, Công ty K có đưa giống cho ông để ông đưa giống cho bà con gieo trồng nhưng còn khoản tiền còn lại thì phía Công ty K không có đưa cho ông và các hộ dân. Sau khi ông và các hộ dân xạ lúa thì phía Công ty K nói với ông vận động bà con dùng phân bón của Công ty để thay tiền cọc như đã thỏa thuận trước đó. Ông có vận động được 03 người dùng phân bón của Công ty là ông Phan Văn B, Nguyễn Thanh S; Đặng Văn T1 cùng với ông sử dụng phân bón của Công ty K. Phân bón là do Công ty K giao cho ông rồi ông giao lại cho ông Bửu, ông Sang và ông Thảo.

Do lúc làm hợp đồng bao tiêu có thỏa thuận bằng lời nói nên đến lúc thu hoạch mà Công ty K không thu lúa của ông và các hộ dân thì xem như đơn phương hủy hợp đồng và phải mất tiền cọc bao gồm tiền lúa giống và tiền phân thuốc. Đến lúc thu hoạch thì phía Công ty K không thu lúa của ông và các hộ dân nên phía Công ty K phải chịu tiền cọc. Do đó, ông B không đồng ý trả số tiền 24.410.000đ mà phía Công ty K yêu cầu.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của các đương sự là đúng pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Những người làm chứng ông Mai Văn T, ông Phan Văn B, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn T, ông Võ Bạch Đ, ông Nguyễn Văn B có yêu cầu xét xử vắng mặt, đối với ông Lê Minh Đ đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận một hợp đồng mua bán phân thuốc bảo vệ thực vật, trong quá trình thực hiện hợp đồng đã phát sinh tranh chấp, nên phía nguyên đơn khởi kiện. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thụ lý theo quan hệ “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán*” và bị đơn cư trú tại ấp 01, xã T, huyện H, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận Hóa đơn bán hàng (BL01) là có thật; bị đơn ông Đặng Văn B thừa nhận còn nợ tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu số tiền là 24.410.000 đồng đúng như lời trình bày của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”.

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Đặng Văn B không đồng ý trả số tiền 24.410.000 đồng với lý do, ông Đặng Văn B cho rằng giữa ông và Công ty K có thỏa thuận hợp đồng, Công ty K có trách nhiệm giao lúa giống và bao tiêu đầu ra cho lúa sau khi thu hoạch nên ông mới mua phân bón và thuốc trừ sâu của Công ty K để giao lại cho các hộ dân, trong quá trình thực hiện Công ty K không thực hiện đúng thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông Đặng Văn B cho rằng Công ty K thực hiện việc giao lúa giống và bao

tiêu lúa đầu ra nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thể hiện chi tiết những thỏa thuận khi bao tiêu lúa giống và đầu ra sau khi thu hoạch như thế nào. Mặt khác, những người làm chứng cũng không biết cụ thể giao dịch giữa ông Đặng Văn B và Công ty K về việc mua bán phân thuốc trừ sâu như thế nào. Hơn nữa, trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng mua bán liên quan đến phân bón, thuốc trừ sâu, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Đặng Văn B không đưa ra được chứng cứ để chứng minh lời trình bày của mình là có căn cứ. Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự: *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”*.. *“... Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án phải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được trước đó”*. Do đó, lời trình bày của ông Đặng Văn B là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông Đặng Văn B còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại – Dịch vụ K số tiền 24.410.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng”*, nên buộc ông Đặng Văn B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại – Dịch vụ K số tiền 24.410.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, theo khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 quy định *“Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ thì phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”*. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu tính lãi là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về mức lãi suất do các bên không thỏa thuận được lãi suất nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, xác định lãi suất 10%/năm từ thời điểm ngày 30/5/2019 đến thời điểm xét xử là 15 tháng 16 ngày với số tiền là 3.147.099 đồng.

[6] Với những nhận định nêu trên, xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật, nguyên đơn được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 91; Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 430, Điều 434, Điều 440; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại – Dịch vụ K đối với bị đơn ông Đặng Văn B.

2. Buộc ông Đặng Văn B có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại – Dịch vụ K số tiền là 27.557.099 đồng (*Hai mươi bảy triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn không trăm chín mươi chín đồng*). Trong đó, tiền gốc là 24.410.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu bốn trăm mười nghìn đồng*), tiền lãi là 3.147.099 đồng (*Ba triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm chín mươi chín đồng*).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Văn B phải chịu số tiền 1.377.854 đồng (*Một triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm năm mươi bốn đồng*). Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại – Dịch vụ K có người đại diện theo pháp luật ông Bùi Văn C được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 625.000 đồng (*Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000934 ngày 11 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THA dân sự huyện Vị Thủy;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lư Trường Tây